

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH**

**MIỀN TRUNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
NĂM 2012**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 43

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (sau đây gọi tắt là 'Công ty') đệ trình Báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (sau đây gọi tắt là 'Công ty') cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ được đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung, tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là MLC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 ngày 30 tháng 10 năm 2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi lần thứ 10 là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 ngày 16 tháng 4 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 của Công ty là 80.693.070.000 đồng được chia thành 8.069.307 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông sáng lập</b>			
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh (*)	38.563.320.000	3.856.332	47,79 %
2	Hồ Huy (**)	10.212.000.000	1.021.200	12,66 %
3	Nguyễn Xuân Toàn	235.750.000	23.575	0,29%
4	Võ Thành Nhân	21.450.000	2.145	0,03%
5	Trần Phước Bảy	234.600.000	23.460	0,29%
6	Trần Thị Bích Phương	750.000	75	0,00%
<b>II</b>	<b>Cổ đông khác</b>			
1	Các Cổ đông khác	31.425.200.000	3.142.520	38,94 %
	<b>Cộng</b>	<b>80.693.070.000</b>	<b>8.069. 307</b>	<b>100 %</b>

(\*) Theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2008 Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được thừa ủy quyền Ông Hồ Huy để biểu quyết trên số lượng 666.000 cổ phiếu mà Ông Hồ Huy đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ trong cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông tại Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ nay là Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày 01/01/2008 cho đến khi có ủy quyền khác thay thế. Ngày 24/12/2012, Ông Hồ Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã bán số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung.

Ngày 26/12/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được thừa ủy quyền Ông Ngô Văn Kiều để thực hiện các quyền biểu quyết trên số lượng 888.000 cổ phần chiếm có quyền biểu quyết mà Ông Ngô Văn Kiều đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy ủy này được thực hiện cho đến khi có ủy quyền khác thay thế.

(\*\*) Phần vốn của Ông Hồ Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã bán cho Ông Ngô Văn Kiều. Công ty vẫn chưa điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi cơ cấu vốn góp của cổ đông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

---

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ.

**Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:**

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (TP. Đà Nẵng) được đổi thành Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung – Chi nhánh Du Lịch	92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

**Và các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:**

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Trụ sở chính</b>
<i>I</i>	<i>Công ty con</i>	
1	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Ngãi	134 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
2	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Hội An	206 Lý Thường Kiệt, P. Sơn Phong, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
4	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
5	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Trị	169 đường Lý Thường Kiệt, phường Đông Lễ, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
6	Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, tiểu khu Diêm Hải, P. Phú Hải, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
7	Công ty TNHH một thành viên cà phê Arabica Mai Linh	Thôn Tân Tài, xã Tân Lập, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoại trừ sự kiện đã nêu ở phần thuyết minh X.2, xét trên những khía cạnh trọng yếu, chúng tôi thấy không có phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng quản trị gồm:**

Ông :	Hồ Huy	Chủ tịch	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Ông :	Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Ông :	Hồ Việt	Ủy viên	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Ông :	Võ Đăng Cảnh	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2011) và (Miễn nhiệm ngày 21/4/2012)
Ông :	Hồ Minh Châu	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2011) và (Miễn nhiệm ngày 21/4/2012)
Ông :	Hồ Quang Minh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2011)
Ông :	Mai Hà Thanh Hùng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2011)
Ông :	Trương Tài	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2012)
Ông :	Trần Quốc Duy	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 21/4/2012)

**Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc gồm:**

Ông :	Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc	
Ông :	Trần Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 30/6/2009)
Ông :	Phạm Thế Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/3/2011)
Ông :	Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông :	Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	

**Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:**

Bà :	Trần Thị Bích Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	(Bổ nhiệm lại ngày 16/5/2011)
Bà :	Nguyễn Quốc Quế Trâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2011) và (Miễn nhiệm ngày 21/4/2012)
Ông :	Mai Quý Trung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16/5/2011)
Ông :	Võ Đăng Cảnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2011)
Ông :	Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16/5/2011) và (Bổ nhiệm ngày 21/4/2012)

**Kế toán trưởng Công ty gồm:**

Ông :	Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng	
-------	---------------------	----------------	--

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung.

**TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

**Cam kết khác**

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/4/2012 được thay thế Thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*TP. Đà Nẵng, ngày 30 tháng 3 năm 2013*

**Tổng Giám đốc**

**Võ Thành Nhân**

Số : 005 – HN/2012/ BCKT – A.A

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung*

**Kính gửi: Hội đồng quản trị  
Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung và các công ty con cùng với Công ty (sau đây gọi tắt là 'Công ty') được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến nhận xét về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### ***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*TP. HCM, ngày 28 tháng 3 năm 2013*

**GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN MẠNH HÙNG**

*Chứng chỉ KTV số : Đ.0061/KTV*

**BÙI VĂN BÔNG**

*Chứng chỉ KTV số : 0177/KTV*

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>100</b>	<b>A. Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)</b>		<b>40.011.073.538</b>	<b>76.615.337.704</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>VII.1</b>	<b>7.507.553.617</b>	<b>5.145.300.446</b>
111	1. Tiền		7.007.553.617	5.145.300.446
112	2. Các khoản tương đương tiền		500.000.000	-
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>VII.2</b>	<b>572.961.494</b>	<b>32.710.742.848</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		572.961.494	32.710.742.848
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>21.089.481.007</b>	<b>21.672.375.731</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		4.472.871.982	5.616.383.748
132	2. Trả trước cho người bán		918.782.364	1.327.627.248
135	5. Các khoản phải thu khác	VII.3	17.183.862.117	14.728.364.735
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(1.486.035.456)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>VII.4</b>	<b>6.399.230.580</b>	<b>12.391.321.565</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.817.228.831	12.586.346.498
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(4.417.998.251)	(195.024.933)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.441.846.840</b>	<b>4.695.597.114</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	VII.5	2.900.140.425	3.125.066.770
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	260.714.841
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	VII.6	315.214.110	361.948.069
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	VII.7	1.226.492.305	947.867.434
<b>200</b>	<b>B. Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260+269)</b>		<b>381.606.801.334</b>	<b>339.147.580.503</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>325.568.469.980</b>	<b>329.738.788.199</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	VII.8	280.654.810.125	295.966.952.786
222	- Nguyên giá		420.158.747.131	398.777.780.930
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(139.503.937.006)	(102.810.828.144)
227	3. Tài sản cố định vô hình	VII.9	29.433.644.002	29.433.644.002
228	- Nguyên giá		29.433.644.002	29.433.644.002
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	VII.10	15.480.015.853	4.338.191.411
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>49.248.302.110</b>	-
258	3. Đầu tư dài hạn khác	VII.12	52.100.000.000	-
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	VII.13	(2.851.697.890)	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>4.091.496.397</b>	<b>6.170.552.887</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	VII.11	3.694.477.032	5.833.815.059
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		394.019.365	333.737.828
268	3. Tài sản dài hạn khác		3.000.000	3.000.000
<b>269</b>	<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>VII.14</b>	<b>2.698.532.847</b>	<b>3.238.239.417</b>
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>		<b>421.617.874.872</b>	<b>415.762.918.207</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>300</b>	<b>A. Nợ phải trả (300 =310+330)</b>		<b>322.177.617.047</b>	<b>314.250.549.457</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>167.404.964.321</b>	<b>159.202.077.535</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	VII.15	122.920.112.385	123.255.941.338
312	2. Phải trả cho người bán		10.263.474.216	9.038.369.727
313	3. Người mua trả tiền trước		189.770.719	33.842.100
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	VII.16	7.112.040.673	5.329.375.581
315	5. Phải trả người lao động		6.474.778.958	7.304.729.395
316	6. Chi phí phải trả	VII.17	2.351.697.825	2.565.567.042
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	VII.18	17.760.630.865	11.605.004.660
323	11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		332.458.680	69.247.692
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>154.772.652.726</b>	<b>155.048.471.922</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác	VII.19	59.592.635.712	46.353.946.910
334	4. Vay và nợ dài hạn	VII.20	95.135.017.014	108.694.525.012
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		45.000.000	-
<b>400</b>	<b>B. Nguồn vốn chủ sở hữu (400=410+430)</b>		<b>96.073.188.349</b>	<b>96.621.868.798</b>
<b>410</b>	<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>VII.21</b>	<b>96.073.188.349</b>	<b>96.621.868.798</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		80.693.070.000	70.171.300.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		289.330.000	10.811.100.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		7.068.557	7.068.557
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		222.460.359	222.460.359
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		14.861.259.433	15.409.939.882
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>439</b>	<b>C. Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		<b>3.367.069.476</b>	<b>4.890.499.952</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>		<b>421.617.874.872</b>	<b>415.762.918.207</b>

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CĐKT</b>		Thuyết minh	Cuối năm VND	Đầu năm VND
1.	Tài sản thuê ngoài		31.059.714.510	31.059.714.510
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-

Kế toán trưởng

TP.Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VIII.22</b>	<b>376.119.470.489</b>	<b>347.770.561.749</b>
02	2. Các khoản giảm trừ	VIII.23	121.385.184	64.699.114
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>VIII.24</b>	<b>375.998.085.305</b>	<b>347.705.862.635</b>
<b>11</b>	<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>VIII.25</b>	<b>294.959.864.407</b>	<b>265.666.798.535</b>
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>81.038.220.898</b>	<b>82.039.064.100</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VIII.26	3.364.771.632	6.477.244.879
22	7. Chi phí tài chính	VIII.27	40.821.400.979	41.228.990.999
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>37.870.945.519</i>	<i>40.877.377.803</i>
24	8. Chi phí bán hàng		12.767.838.826	12.281.946.508
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		31.429.159.404	27.241.355.528
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(615.406.679)</b>	<b>7.764.015.944</b>
31	11. Thu nhập khác	VIII.28	18.846.464.967	12.731.992.238
32	12. Chi phí khác	VIII.29	13.311.561.951	10.445.640.019
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>5.534.903.016</b>	<b>2.286.352.219</b>
<b>45</b>	<b>14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, LD</b>		-	-
<b>50</b>	<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>4.919.496.337</b>	<b>10.050.368.163</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.30	2.428.331.922	3.010.412.868
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(60.281.537)	(333.737.828)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.551.445.952	7.373.693.123
61	19. Lợi ích của cổ đông thiểu số		(1.266.681.227)	457.301.730
<b>62</b>	<b>20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>		<b>3.818.127.179</b>	<b>6.916.391.393</b>
<b>70</b>	<b>21. Lãi cơ bản trên cổ phần</b>	<b>VIII.31</b>	<b>526</b>	<b>986</b>

TP.Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đoàn Triệu Chu Luân

Võ Thành Nhân

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Năm 2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>4.919.496.337</b>	<b>10.050.368.163</b>
	<b>2. Điều chỉnh các khoản</b>		<b>82.374.637.855</b>	<b>62.943.951.821</b>
02	- Khấu hao TSCĐ		51.759.853.756	41.506.519.824
03	- Các khoản dự phòng		8.560.706.664	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.816.868.084)	(19.439.945.806)
06	- Chi phí lãi vay		37.870.945.519	40.877.377.803
08	<b>3. Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>87.294.134.192</b>	<b>72.994.319.984</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(4.866.091.825)	(16.516.230.231)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.769.117.667	(3.163.297.505)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		28.250.293.528	40.068.197.871
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		2.364.264.372	(19.803.379)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(36.159.846.099)	(40.540.759.447)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.163.503.561)	(1.948.221.559)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.739.582.350	5.434.133.336
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.888.275.259)	(6.810.742.491)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>79.339.675.365</b>	<b>49.497.596.579</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác		(50.143.637.071)	(79.790.969.905)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác		14.949.618.597	10.763.850.751
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(572.961.494)	(4.971.955.715)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.137.781.354	4.971.955.715
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(52.100.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.223.172.729	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.485.460.341	6.285.589.447
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(46.020.565.544)</b>	<b>(62.741.529.707)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		209.084.700.890	211.643.045.056
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(239.040.788.040)	(200.861.154.980)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		-	(647.600.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.000.769.500)	(2.924.288.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(30.956.856.650)</b>	<b>7.210.002.076</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>2.362.253.171</b>	<b>(6.033.931.052)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>5.145.300.446</b>	<b>11.179.231.498</b>
61	Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>7.507.553.617</b>	<b>5.145.300.446</b>

TP.Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ được đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung, tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là MLC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 ngày 30 tháng 10 năm 2000 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi lần thứ 10 là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 ngày 16 tháng 4 năm 2012 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400382219 thay đổi lần thứ 11 ngày 19 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 của Công ty là 80.693.070.000 đồng được chia thành 8.069.307 cổ phần.

Cơ cấu vốn cổ phần tại ngày 31/12/2012 bao gồm:

TT	Cổ đông	Số vốn góp	Số cổ phần	Tỷ lệ/ vốn góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông sáng lập</b>			
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh (*)	38.563.320.000	3.856.332	47,79 %
2	Hồ Huy	10.212.000.000	1.021.200	12,66 %
3	Nguyễn Xuân Toàn	235.750.000	23.575	0,29%
4	Võ Thành Nhân	21.450.000	2.145	0,03%
5	Trần Phước Bảy	234.600.000	23.460	0,29%
6	Trần Thị Bích Phương	750.000	75	0,00%
<b>II</b>	<b>Cổ đông khác</b>			
1	Các Cổ đông khác	31.425.200.000	3.142.520	38,94 %
	<b>Cộng</b>	<b>80.693.070.000</b>	<b>8.069. 307</b>	<b>100 %</b>

(\*) Theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2008 Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được thừa ủy quyền Ông Hồ Huy đề biểu quyết trên số lượng 666.000 cổ phiếu mà Ông Hồ Huy đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ trong cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông tại Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ nay là Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày 01/01/2008 cho đến khi có ủy quyền khác thay thế. Ngày 24/12/2012, Ông Hồ Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã bán số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung.

Ngày 26/12/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được thừa ủy quyền Ông Ngô Văn Kiều để thực hiện các quyền biểu quyết trên số lượng 888.000 cổ phần chiếm có quyền biểu quyết mà Ông Ngô Văn Kiều đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy ủy này được thực hiện cho đến khi có ủy quyền khác thay thế.

(\*\*) Phần vốn của Ông Hồ Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã bán cho Ông Ngô Văn Kiều. Công ty vẫn chưa điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi cơ cấu vốn góp của cổ đông.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

**Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty có chi nhánh trực thuộc sau:**

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (TP. Đà Nẵng) được đổi thành Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
2	Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung – Chi nhánh Du Lịch	92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

**Và các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất gồm:**

STT	Tên đơn vị	Trụ sở chính
<i>I</i>	<i>Công ty con</i>	
1	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Ngãi	134 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
2	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 đường Phan Bội Châu, phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Hội An	206 Lý Thường Kiệt, P. Sơn Phong, TP. Hội An, Tỉnh Quảng Nam
4	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
5	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Trị	169 đường Lý Thường Kiệt, phường Đông Lễ, TP. Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
6	Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, tiểu khu Diêm Hải, P. Phú Hải, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
7	Công ty TNHH MTV Cà phê Arabica Mai Linh	Thôn Tân Tài, xã Tân Lập, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị

## 2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải hành khách bằng taxi, xe buýt; vận tải khách theo hợp đồng. Dịch vụ cho thuê xe ô tô. Hoạt động trang trại.

## 3. Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải thủy, bộ....

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

### Thông tin bổ sung về các công ty con

**Tổng số các công ty con: 07 công ty**

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 07 công ty

### Danh sách các công ty con được hợp nhất

STT	Tên công ty	Hoạt động	Tỷ lệ	Quyền
		kinh doanh chính	lợi ích	biểu quyết
1	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Ngãi	Dịch vụ vận tải	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Tam Kỳ	Dịch vụ vận tải	100,00%	100,00%
3	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Hội An	Dịch vụ vận tải	100,00%	100,00%
4	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Huế	Dịch vụ vận tải	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH một thành viên Mai Linh Quảng Trị	Dịch vụ vận tải	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Dịch vụ vận tải	75,00%	75,00%
7	Công ty TNHH MTV cà phê Arabica Mai Linh (*)	Kinh doanh cà phê	100,00%	100,00%

(\*) Công ty TNHH MTV cà phê Arabica Mai Linh vẫn còn trong giai đoạn xây dựng cơ bản, chưa phát sinh kết quả kinh doanh và chưa được kiểm toán.

### 4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

(1) Theo Quyết định số 12/2012/QĐ-MLC ngày 21/09/2012 của Hội đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Năm 2012, Công ty thành lập thêm chi nhánh trực thuộc mới là: Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch. Trụ sở chính được đặt tại: 92 đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Chi nhánh đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

(2) Theo thông báo số 01/TB/2011 ngày 29/6/2011 về việc thông báo tạm ngưng hoạt động với thời hạn 6 tháng, thời điểm bắt đầu tạm ngừng ngày 01/7/2011 và kết thúc ngày 31/12/2011 đã được phê duyệt bởi Giám đốc của Công ty TNHH MTV Cà Phê Arabica Mai Linh gửi Chi Cục thuế huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Lý do tạm ngừng là xây dựng lại quy hoạch và lập dự án đầu tư. Đến thời điểm này Công ty vẫn tạm ngưng hoạt động nhưng chưa đăng ký lại thời gian gửi Chi cục thuế quản lý.

(3) Ngày 30 tháng 01 năm 2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ nay là Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung và Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh đã thống nhất ký kết hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Mai Linh Lao Bảo cho Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh với tổng giá trị chuyển nhượng là 6.800.000.000 đồng (Sáu tỷ, tám trăm triệu đồng) chiếm 100% vốn điều lệ.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

(4) Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đã điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400382219 ngày 16 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp về việc đổi tên Công ty, ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ của Công ty từ 70.171.300.000 đồng lên 80.693.070.000 đồng. Việc tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư là 10.521.770.000 đồng tương ứng 1.052.177 cổ phiếu, số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung và lưu hành bắt đầu ngày 09/10/2012 theo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ hai số 15/2010/GCNCP-VSD-2 cho Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung.

(5) Ngày 24/12/2012, Ông Hồ Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã bán số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung với số lượng 888.000 cổ phiếu cho Ông Ngô Văn Kiều. Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Ông Hồ Huy sau khi thực hiện giao dịch là 133.200 cổ phiếu. Ngày 26/12/2012, Ông Ngô Văn Kiều trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung với số lượng cổ phiếu nắm giữ 908.400 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 11,26%.

## **II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 30/6 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 244/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

## **IV. CƠ SỞ HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các báo cáo tài chính tham gia hợp nhất:

1. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty mẹ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
2. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh tại TP. HCM với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
3. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh tại TP. HCM với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
4. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh tại TP. HCM với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
5. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh tại TP. HCM với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
6. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh tại TP. HCM với ý kiến chấp nhận toàn bộ.
7. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ - Chi nhánh tại TP. HCM với ý kiến chấp nhận từng phần.
8. Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty con Công ty TNHH một thành viên cà phê Arabica Mai Linh chưa được kiểm toán.

## **V. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 tại Thuyết minh số VIII.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

## **VI. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho khoản lỗ ước tính do giảm giá trị, hư hỏng, lỗi thời, v.v... trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng căn cứ vào bằng chứng giảm giá phù hợp tồn tại vào ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

- |                            |        |     |
|----------------------------|--------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc   | 5 – 20 | năm |
| - Phương tiện vận tải      | 7 – 10 | năm |
| - Thiết bị dụng cụ quản lý | 2 – 8  | năm |

Trước năm 2011, các công ty con gồm Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An và Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ chưa thực hiện trích khấu hao cho xe hợp tác kinh doanh. Năm 2012, các công ty con này trích bổ sung khấu hao cho xe hợp tác kinh doanh và áp dụng điều chỉnh phí hồi tố cho toàn bộ các xe hợp tác kinh doanh. Việc thay đổi chính sách kế toán về xe hợp tác kinh doanh này làm tổng chi phí khấu hao tăng thêm 2.876.335.812 đồng.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

## **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Khoản đầu tư khác được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

## **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa phát sinh một lần quá lớn.
- Những khoản chi phí khác thực tế phát sinh có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần chênh lệch giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 10 năm. Phần giá trị còn lại của lợi thế thương mại sau khi trừ đi số phân bổ lũy kế được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh không được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh trong thời gian không quá 10 năm.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận bất lợi thương mại**

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Lợi nhuận sau thuế của Chi nhánh được kết chuyển toàn bộ về Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định là phần lợi ích trong kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một công ty con tương ứng với các phần lợi ích không phải do công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Các khoản lỗ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong công ty con được hợp nhất có thể lớn hơn số vốn của họ trong công ty con. Khoản lỗ vượt trên phần vốn của các cổ đông thiểu số này được tính giảm vào phần lợi ích của công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp các khoản lỗ đó. Nếu sau đó công ty con có lãi, khoản lãi đó sẽ được phân bổ vào phần lợi ích của công ty mẹ cho tới khi phần lỗ trước đây do công ty mẹ gánh chịu được bồi hoàn đầy đủ.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí đi vay trong kỳ là giá trị thuần của các khoản chi phí đi vay phải trả sau khi giảm trừ hỗ trợ lãi suất sau đầu tư từ Ngân hàng phát triển Việt Nam.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **16. Thuê tài sản**

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### **17. Nguyên tắc ghi nhận phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết**

Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết được ghi nhận tương ứng với phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty liên kết, liên doanh sau khi phân bổ lợi thế thương mại.

### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 19. Công cụ tài chính

### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 20. Phân phối lợi nhuận

Theo điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ này là Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung, lợi nhuận sau thuế của Công ty thuộc sở hữu của cổ đông được phân phối như sau:

- Trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Trích Quỹ dự phòng tài chính hàng năm không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và chi trích cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ công ty.
- Trích Quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi: mức trích lập do Hội đồng Quản trị đề nghị mức trích cụ thể cho từng quỹ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.
- Lợi nhuận còn lại sau phân phối cổ tức và trích lập các quỹ được bổ sung toàn bộ vào lợi nhuận tích lũy.

## 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## 22. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh doanh khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	1.401.474.631	1.023.225.376
Tiền gửi ngân hàng	5.606.078.986	4.122.075.070
<b>Cộng</b>	<b>7.507.553.617</b>	<b>5.145.300.446</b>
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Cho vay ngắn hạn (*)	572.961.494	32.710.742.848
<b>Cộng</b>	<b>572.961.494</b>	<b>32.710.742.848</b>
(*) Là khoản Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung cho Công ty TNHH MTV Sài Gòn Taxi vay với thời hạn từ 12 tháng, lãi suất 1,5%/tháng.		
3. Các khoản phải thu khác	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu các công ty trong Tập đoàn Mai Linh	15.094.344.033	12.364.321.097
Các khoản phải thu khác	2.089.518.084	2.364.043.638
<b>Cộng</b>	<b>17.183.862.117</b>	<b>14.728.364.735</b>
4. Hàng tồn kho	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.669.915.627	3.860.938.089
Công cụ, dụng cụ	910.000	42.135.072
Chi phí SXKD dở dang trang trại (*)	6.536.203.422	6.975.829.387
Thành phẩm	1.610.199.782	1.498.182.812
Hàng hóa	-	209.261.138
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>10.817.228.831</b>	<b>12.586.346.498</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.417.998.251)	(195.024.933)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>6.399.230.580</b>	<b>12.391.321.565</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trạng trại	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang trồng trọt cây ăn quả và cây lấy gỗ	288.808.793	288.808.793
Chi phí sản xuất dở dang chăn nuôi lợn	6.247.394.629	6.687.020.594
<b>Cộng</b>	<b>6.536.203.422</b>	<b>6.975.829.387</b>
<b>5 . Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	2.197.513.348	2.186.767.610
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	64.246.275	325.949.110
Chi phí thuê văn phòng, bến bãi	-	733.336
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	638.380.802	611.616.714
<b>Cộng</b>	<b>2.900.140.425</b>	<b>3.125.066.770</b>
<b>6 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Thuế GTGT	-	50.772.379
Thuế TNDN	311.175.690	311.175.690
Thuế thu nhập cá nhân	3.350.565	-
Các loại thuế khác	687.855	-
<b>Cộng</b>	<b>315.214.110</b>	<b>361.948.069</b>
<b>7 . Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Tạm ứng	1.208.492.305	929.867.434
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.226.492.305</b>	<b>947.867.434</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## 8 . Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ dùng trong quản lý	Cây trồng, vật nuôi	TSCĐ khác	Cộng TSCĐ hữu hình
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>							
<b>Số đầu năm</b>	<b>13.796.912.007</b>	<b>1.011.252.385</b>	<b>380.028.762.214</b>	<b>1.398.031.044</b>	<b>1.875.624.085</b>	<b>667.199.195</b>	<b>398.777.780.930</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>696.315.344</b>	<b>-</b>	<b>53.345.403.092</b>	<b>115.468.180</b>	<b>586.854.902</b>	<b>134.984.975</b>	<b>54.879.026.493</b>
- Mua sắm	230.600.000	-	43.737.639.069	115.468.180	586.854.902	-	44.670.562.151
- Chuyển từ mua sắm TSCĐ dở dang	465.715.344	-	9.607.764.023	-	-	134.984.975	10.208.464.342
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>14.626.000</b>	<b>33.222.500.291</b>	<b>77.878.238</b>	<b>183.055.763</b>	<b>-</b>	<b>33.498.060.292</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	14.626.000	27.240.529.176	77.878.238	183.055.763	-	27.516.089.177
- Điều chuyển tài sản từ chi nhánh	-	-	5.981.971.115	-	-	-	5.981.971.115
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.493.227.351</b>	<b>996.626.385</b>	<b>400.151.665.015</b>	<b>1.435.620.986</b>	<b>2.279.423.224</b>	<b>802.184.170</b>	<b>420.158.747.131</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>							
<b>Số đầu năm</b>	<b>2.881.905.538</b>	<b>209.899.364</b>	<b>98.417.152.068</b>	<b>994.625.936</b>	<b>252.661.132</b>	<b>54.584.106</b>	<b>102.810.828.144</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>1.166.141.754</b>	<b>143.653.839</b>	<b>50.542.416.595</b>	<b>189.274.164</b>	<b>303.596.316</b>	<b>97.635.244</b>	<b>52.442.717.912</b>
- Trích khấu hao TSCĐ	1.166.141.754	143.653.839	49.432.918.537	189.274.164	303.596.316	97.635.244	51.333.219.854
- Tăng khác	-	-	1.109.498.058	-	-	-	1.109.498.058
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>10.969.500</b>	<b>15.596.359.963</b>	<b>52.250.738</b>	<b>90.028.849</b>	<b>-</b>	<b>15.749.609.050</b>
- Thanh lý, nhượng bán	-	10.969.500	14.496.264.963	52.250.738	90.028.849	-	14.649.514.050
- Điều chuyển tài sản từ chi nhánh	-	-	1.100.095.000	-	-	-	1.100.095.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.048.047.292</b>	<b>342.583.703</b>	<b>133.363.208.700</b>	<b>1.131.649.362</b>	<b>2.279.423.224</b>	<b>152.219.350</b>	<b>139.503.937.006</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
<b>Số đầu năm</b>	<b>10.915.006.469</b>	<b>801.353.021</b>	<b>281.611.610.146</b>	<b>403.405.108</b>	<b>1.622.962.953</b>	<b>612.615.089</b>	<b>295.966.952.786</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.445.180.059</b>	<b>654.042.682</b>	<b>266.788.456.315</b>	<b>303.971.624</b>	<b>2.279.423.224</b>	<b>649.964.820</b>	<b>280.654.810.125</b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 274.487.645.318 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 967.458.767 đồng

Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 853.574.682 đồng

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

### 9 . Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình đến 31/12/2012 là giá trị quyền sử dụng đất của 06 lô đất sau:

Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - thành phố Đà Nẵng với diện tích 12.594.80 m2 với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp tại Ngân Hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9 - TP. Đà Nẵng với số tiền: 936.000.000 đồng, được thế chấp tại Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng.

Quyền sử dụng đất dài hạn tại phường Nghĩa Chánh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi với số tiền 750.000.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp để vay ngắn hạn Ngân hàng.

Quyền sử dụng đất tại khu đất trang trại Mai Linh Quảng bình có giá trị 5.662.550.000 đồng, chi phí liên quan là 58.767.302 đồng và Quyền sử dụng đất tại Công ty Mai Linh Quảng Bình – Chi nhánh Ba Đồn là 210.000.000 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp để vay ngắn hạn.

Quyền sử dụng đất dài hạn tại phường Tân Thạnh, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam với số tiền 1.390.000.000 đồng và Quyền sử dụng đất dài hạn tại thôn Bàu Ốc Hạ, xã Cẩm Hà, TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam với số tiền 3.043.780.700 đồng. Tài sản này đã được đem đi thế chấp để vay ngắn hạn Ngân hàng.

### 10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Công trình bãi đỗ xe, nhà điều hành	-	134.984.975
Dự án trạm dừng chân	-	3.419.986.685
Các công trình xây dựng dở dang khác	357.947.392	783.219.751
Mua sắm xe phương tiện vận tải	15.122.068.461	-
<b>Cộng</b>	<b>15.480.015.853</b>	<b>4.338.191.411</b>

### 11 . Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Giá trị còn lại của CCDC đang sử dụng chờ phân bổ	597.261.062	1.875.141.409
Chi phí bảo hiểm	354.061.925	509.628.025
Chi phí sửa chữa tài sản, san lấp, giải phóng mặt bằng, thẩm định dự án	2.399.682.055	3.145.171.649
Chi phí trả trước dài hạn khác	343.471.990	303.873.976
<b>Cộng</b>	<b>3.694.477.032</b>	<b>5.833.815.059</b>

### 12 . Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Mua cổ phần Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)	52.100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>52.100.000.000</b>	<b>-</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

(\*) Là khoản đầu tư cổ phần do Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung và các Công ty con (Mai Linh Quảng Ngãi, Mai Linh Tam Kỳ, Mai Linh Hội An, Mai Linh Huế và Mai Linh Quảng Trị) nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thuộc sở hữu của các cổ đông gồm:

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với giá trị chuyển nhượng là 45.000.000.000 đồng tương ứng số lượng là 4.500.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

- Ông Nguyễn Bảo Sơn với giá trị chuyển nhượng là 5.000.000.000 đồng tương ứng số lượng là 432.200 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

- Ông Hồ Minh Châu với giá trị chuyển nhượng là 74.633.325.000 đồng tương ứng số lượng là 5.970.666 cổ phần (gồm: 5.434.298 cổ phần phổ thông và 536.368 cổ phần ưu đãi cổ tức). (\*\*)

(\*\*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 13/11/2012, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thuộc sở hữu Ông Hồ Minh Châu với giá trị chuyển nhượng là 74.633.325.000 đồng tương ứng số lượng là 5.970.666 cổ phần (gồm: 5.434.298 cổ phần phổ thông và 536.368 cổ phần ưu đãi cổ tức). Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần. Thời hạn thanh toán được chia thành 05 đợt. Thời hạn chuyển quyền sở hữu: Quyền sở hữu của bên nhận chuyển nhượng được xác lập tương ứng với số tiền mà Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung thanh toán cho Ông Hồ Minh Châu về số tiền mua cổ phần theo nguyên tắc cổ phần phổ thông trước, cổ phần ưu đãi cổ tức sau cùng.

Đến thời điểm 31/12/2012, Công ty đã chuyển cho Ông Hồ Minh Châu với số tiền mua cổ phần là: 5.300.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền mua cổ phần được công ty chuyển nhượng lại cho các công ty thành viên (công ty con) của Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung với giá trị là: 2.050.000.000 đồng tương ứng 164.000 cổ phần (theo Sổ chứng nhận Sở hữu cổ phần); Công ty Cổ phần Nam Trung Bộ và Tây Nguyên và các công ty con với giá trị là: 3.200.000.000 đồng tương ứng 256.000 cổ phần (theo Sổ chứng nhận Sở hữu cổ phần). Mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần. Giá trị còn lại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung ghi nhận với giá trị là 50.000.000 đồng.

**13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Giá trị dự phòng đầu tư vào Công ty CP Mai Linh NTB & Tây Nguyên	(2.851.697.890)	-
<b>Cộng</b>	<b>(2.851.697.890)</b>	<b>-</b>

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2012	Vốn CSH theo BCTC	Giá trị theo sổ kế toán	Dự phòng tổn thất
Công ty CP ML Nam Trung Bộ & Tây Nguyên Vốn điều lệ 268.000.000.000 đ	19,44%	253.330.997.415	52.100.000.000	(2.851.697.891)
<b>Cộng</b>				<b>(2.851.697.891)</b>

**14. Lợi thế thương mại**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số dư đầu năm	3.238.239.417	3.777.945.987
Phát sinh trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	539.706.570	539.706.570
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.698.532.847</b>	<b>3.238.239.417</b>

(\*) Thời gian phân bổ lợi thế thương mại là 10 năm

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

<b>15 . Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Vay ngân hàng (a)	45.862.389.084	43.400.608.558
Vay ngắn hạn cá nhân (b)	12.117.393.310	10.383.295.633
Vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần SX & TM Mai Linh	-	2.770.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn VII.20)	51.070.222.496	50.493.828.419
Vay dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem chi tiết vay dài hạn VII.20)	13.870.107.495	16.208.208.728
<b>Cộng</b>	<b><u>122.920.112.385</u></b>	<b><u>123.255.941.338</u></b>

(a) Vay ngắn hạn ngân hàng là khoản vay có thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 11% đến 16,59%/năm và lãi suất thả nổi có điều chỉnh, dùng để làm vốn lưu động. Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay là xe taxi, xe buýt và bất động sản và động sản...

(b) Vay ngắn hạn cá nhân là khoản vay tín chấp có thời hạn từ 02 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 1,3% đến 1,79%/tháng.

<b>16 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	4.216.933.034	1.673.350.292
Thuế TNDN	2.078.132.714	3.246.238.019
Thuế thu nhập cá nhân	281.013.490	199.059.299
Các loại thuế khác	518.888.236	176.637.680
Các khoản phải nộp khác	17.073.199	34.090.291
<b>Cộng</b>	<b><u>7.112.040.673</u></b>	<b><u>5.329.375.581</u></b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

<b>17 . Chi phí phải trả</b>	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Phần chênh lệch khấu hao TSCĐ của các hợp đồng đầu tư xe	756.501.982	627.390.810
Trích trước tiền thưởng	-	26.001.200
Trích trước tiền lương tháng 13 của CBCNV	-	597.068.210
Trích trước lãi vay cá nhân phải trả	842.285.508	303.069.053
Trích trước chi phí thuê thương hiệu	-	582.277.769
Chi phí phải trả khác	752.910.335	429.760.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.351.697.825</u></b>	<b><u>2.565.567.042</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

**18 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Kinh phí công đoàn	588.426.890	258.654.786
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	3.514.637.363	2.164.985.417
Phải trả cho các Công ty trong Tập đoàn Mai Linh	758.347.324	2.062.801.674
Cổ tức phải trả cho cổ đông	5.363.688.000	1.479.804.000
Thu hộ nhà đầu tư xe hợp tác kinh doanh taxi	1.905.175.841	1.261.935.965
Các quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe và các quỹ khác	2.218.739.239	1.068.207.191
Các khoản phải trả phải nộp khác	3.411.616.208	3.308.615.627
<b>Cộng</b>	<b><u>17.760.630.865</u></b>	<b><u>11.605.004.660</u></b>

**19 . Phải trả dài hạn khác**

	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Phải trả dài hạn khác (a)	38.260.955.628	19.750.914.000
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn (b)	21.331.680.084	26.603.032.910
<b>Cộng</b>	<b><u>59.592.635.712</u></b>	<b><u>46.353.946.910</u></b>

(a) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh taxi mà chủ đầu tư tham gia hợp đồng hợp tác nộp cho Công ty theo điều khoản quy định tại hợp đồng, tương đương với giá trị tài sản được định giá khi tham gia hợp tác kinh doanh.

(b) Là khoản nhận ký quỹ, ký cược của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc và ký quỹ mở thẻ MCC của khách hàng.

**20 . Vay và nợ dài hạn**

	<b>Cuối năm VND</b>	<b>Đầu năm VND</b>
Vay dài hạn ngân hàng (a)	86.450.836.672	95.487.658.194
Vay đối tượng khác (b)	8.684.180.342	13.206.866.818
<b>Cộng</b>	<b><u>95.135.017.014</u></b>	<b><u>108.694.525.012</u></b>

(a) Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 02 năm đến 07 năm với lãi suất từ 10,44% đến 21% / năm và lãi suất thả nổi có điều chỉnh, số dư nợ gốc đến ngày 31/12/2012 là 137.521.059.168 đồng, nợ dài hạn ngân hàng đến hạn trả là 51.070.222.496 đồng, các khoản vay được bảo đảm bằng xe taxi, động sản, quyền sử dụng đất, tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Vay các đối tượng khác là các khoản vay mà cán bộ công nhân viên vay tiêu dùng qua ngân hàng, sau đó Công ty vay lại với thời hạn từ 13 tháng đến 60 tháng lãi suất từ 13,50%/năm đến 22,32%/năm có điều chỉnh, số dư nợ gốc đến 31/12/2012 là 22.554.287.837 đồng, nợ dài hạn đến hạn trả là 13.870.107.495 đồng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## 21. Nguồn vốn chủ sở hữu

### a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng vốn chủ sở hữu
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>70.171.300.000</b>	<b>10.811.100.000</b>	<b>7.068.557</b>	<b>222.460.359</b>	<b>15.409.939.882</b>	<b>96.621.868.798</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	<b>10.521.770.000</b>	-	-	-	<b>4.086.946.163</b>	<b>14.608.716.163</b>
Tăng vốn trong kỳ	10.521.770.000	-	-	-	-	10.521.770.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	3.818.127.179	3.818.127.179
Tăng khác trong năm	-	-	-	-	268.818.984	268.818.984
<b>3. Giảm trong năm</b>	-	<b>10.521.770.000</b>	-	-	<b>4.635.626.613</b>	<b>15.157.396.613</b>
Phân phối lợi nhuận trong năm (i)	-	-	-	-	4.384.653.500	4.384.653.500
Giảm khác trong năm (ii)	-	10.521.770.000	-	-	250.973.113	10.772.743.113
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>80.693.070.000</b>	<b>289.330.000</b>	<b>7.068.557</b>	<b>222.460.359</b>	<b>14.861.259.433</b>	<b>96.073.188.349</b>

(i) Ngày 21/4/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung đã thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 trong đó phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2011 như sau: chi trả cổ tức 4.034.653.500 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5% với số tiền tương ứng 350.000.000 đồng.

(ii) Công ty tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư là 10.521.770.000 đồng tương ứng 1.052.177 cổ phiếu, số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung và lưu hành bắt đầu ngày 09/10/2012 theo Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ hai số 15/2010/GCNCP-VSD-2 cho Công ty cổ phần Mai Linh Miền Trung.

### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012		01/01/2012	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (iii)	47,79%	38.563.320.000	47,79%	33.533.330.000
Hồ Huy (iv)	1,65%	1.332.000.000	12,65%	8.880.000.000
Ngô Văn Kiều (iv)	11,26%	9.084.000.000	0,29%	202.000.000
Các Cổ đông khác	39,30%	31.713.750.000	39,27%	27.555.970.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>80.693.070.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>70.171.300.000</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## 21 Nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(iii) Ngày 26/12/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh được thừa ủy quyền Ông Ngô Văn Kiều để thực hiện các quyền biểu quyết trên số lượng 888.000 cổ phần chiếm có quyền biểu quyết mà Ông Ngô Văn Kiều đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy ủy này được thực hiện cho đến khi có ủy quyền khác thay thế.

(iv) Ngày 24/12/2012, Ông Hồ Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã bán số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung với số lượng 888.000 cổ phiếu cho Ông Ngô Văn Kiều. Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Ông Hồ Huy sau khi thực hiện giao dịch là 133.200 cổ phiếu. Ngày 26/12/2012, Ông Ngô Văn Kiều trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung chiếm tỷ lệ 11,26%.

### c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	70.171.300.000	70.171.300.000
+ Vốn góp tăng trong năm	10.521.770.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	80.693.070.000	70.171.300.000

### d. Cổ phần

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	8.069.307	7.017.130
- Số lượng cổ phần đã phát hành	8.069.307	7.017.130
+ Cổ phần phổ thông	8.069.307	7.017.130
+ Cổ phần ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	8.069.307	7.017.130
+ Cổ phần phổ thông	8.069.307	7.017.130
- Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
* Mệnh giá cổ phần đang lưu hành (đồng/cổ phần):	10.000	10.000

### e. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</b>	<b>15.409.939.882</b>	<b>12.672.095.961</b>
Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng trong năm	3.818.127.179	6.916.391.393
Tăng khác theo biên bản quyết toán thuế	268.818.984	-
Hoàn nhập chi phí đã trích	-	385.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(350.000.000)	(490.000.000)
Trả cổ tức cho cổ đông	(4.034.653.500)	(3.508.565.000)
Trích bổ sung thuế TNDN theo quyết toán	(230.725.366)	(564.982.472)
Giảm khác	(20.247.747)	-
<b>Lợi nhuận còn lại chưa phân phối cuối năm</b>	<b>14.861.259.433</b>	<b>15.409.939.882</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

### VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

#### 22 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	307.623.424.489	292.687.230.370
Doanh thu dịch vụ xe buýt	29.323.078.000	20.142.258.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản	7.778.539.095	3.994.604.552
Doanh thu dịch vụ hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	5.254.296.659	2.846.266.596
Doanh thu nhượng bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	56.593.861	252.038.358
Doanh thu sửa chữa xe	3.881.458.382	3.231.509.067
Doanh thu từ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản	7.632.340.000	10.899.068.000
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	7.129.937.602	8.483.342.502
Doanh thu quản lý xe thương quyền	3.266.322.968	2.265.722.229
Doanh thu dịch vụ khác	4.173.479.433	2.968.522.075
<b>Cộng</b>	<b>376.119.470.489</b>	<b>347.770.561.749</b>

#### 23 . Các khoản giảm trừ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	121.385.184	64.699.114
<b>Cộng</b>	<b>121.385.184</b>	<b>64.699.114</b>

#### 24 . Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ taxi	307.502.039.305	292.622.531.256
Doanh thu dịch vụ xe buýt	29.323.078.000	20.142.258.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản	7.778.539.095	3.994.604.552
Doanh thu dịch vụ hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	5.254.296.659	2.846.266.596
Doanh thu nhượng bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	56.593.861	252.038.358
Doanh thu sửa chữa xe	3.881.458.382	3.231.509.067
Doanh thu từ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản	7.632.340.000	10.899.068.000
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	7.129.937.602	8.483.342.502
Doanh thu quản lý xe thương quyền	3.266.322.968	2.265.722.229
Doanh thu dịch vụ khác	4.173.479.433	2.968.522.075
<b>Cộng</b>	<b>375.998.085.305</b>	<b>347.705.862.635</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

**25 . Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ taxi	233.436.245.244	222.704.882.300
Giá vốn dịch vụ xe buýt	25.162.181.050	16.466.104.413
Giá vốn cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản	2.576.608.169	4.227.482.934
Giá vốn dịch vụ hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	3.570.642.866	2.077.426.839
Giá vốn nhượng bán vật tư, phụ tùng, hàng hóa	6.856.150	146.393.167
Giá vốn sửa chữa xe	7.855.056.911	1.791.910.362
Giá vốn từ bán các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản	11.157.334.287	9.297.141.812
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	6.935.699.500	8.245.526.197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.142.704.629	-
Giá vốn dịch vụ khác	116.535.601	709.930.511
<b>Cộng</b>	<b>294.959.864.407</b>	<b>265.666.798.535</b>

**26 . Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.691.357.827	6.286.191.713
Lãi bán hàng trả chậm	21.354.000	124.740.101
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	265.866.382	-
Doanh thu cho thuê thương hiệu xe thương quyền	309.090.909	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	77.102.514	66.313.065
<b>Cộng</b>	<b>3.364.771.632</b>	<b>6.477.244.879</b>

**27 . Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	37.870.945.519	40.877.377.803
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.300.000	26.900.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	2.851.697.890	-
Chi phí tài chính khác	81.457.570	324.713.196
<b>Cộng</b>	<b>40.821.400.979</b>	<b>41.228.990.999</b>

**28 . Thu nhập khác**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	15.083.618.597	10.727.933.181
Thu nhập từ kinh phí hỗ trợ cho hoạt động xe buýt	2.278.000.000	-
Thu nhập khác	1.484.846.370	2.004.059.057
<b>Cộng</b>	<b>18.846.464.967</b>	<b>12.731.992.238</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

<b>29 . Chi phí khác</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí thanh lý tài sản	12.743.242.504	10.103.807.191
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	61.275.777	86.435.952
Chi phí khác	507.043.670	255.396.876
<b>Cộng</b>	<b>13.311.561.951</b>	<b>10.445.640.019</b>

<b>30 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	404.281.530	153.692.905
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	2.024.050.392	2.856.719.963
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>2.428.331.922</b>	<b>3.010.412.868</b>

<b>31 . Lãi cơ bản trên cổ phần</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.818.127.179</b>	<b>6.916.391.393</b>
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông</b>	<b>3.818.127.179</b>	<b>6.916.391.393</b>
Cổ phần phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.017.130	7.017.130
Cổ phần phổ thông tăng bình quân trong năm	242.145	-
Cổ phần phổ thông giảm bình quân trong năm	-	-
Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.259.275	7.017.130
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần</b>	<b>526</b>	<b>986</b>

<b>32 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	115.049.728.398	111.837.104.667
Chi phí nhân công	117.235.826.783	108.032.894.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.759.853.756	41.506.519.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.824.864.666	38.138.029.562
Chi phí khác bằng tiền	6.224.470.290	5.675.552.436
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phải thu khó đòi	5.586.712.674	-
<b>Cộng</b>	<b>331.681.456.567</b>	<b>305.190.100.571</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## VIII. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

### 1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

### 2. Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số VI.

### 3. Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.507.553.617	5.145.300.446
Phải thu khách hàng, phải thu khác	20.170.698.643	20.344.748.483
Đầu tư ngắn hạn	572.961.494	32.710.742.848
Đầu tư dài hạn	52.100.000.000	-
	<b>80.351.213.754</b>	<b>58.200.791.777</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	218.055.129.399	231.950.466.350
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	87.616.740.793	66.997.321.297
Chi phí phải trả	2.351.697.825	2.565.567.042
	<b>308.023.568.017</b>	<b>301.513.354.689</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

### 4. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### Rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

#### Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

#### Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Các rủi ro tín dụng của Công ty từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), các rủi ro này Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu khác của các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số VII.3

#### Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	28.024.105.081	59.592.635.712	-	87.616.740.793
Chi phí phải trả	2.351.697.825	-	-	2.351.697.825
Các khoản vay và nợ	122.920.112.385	83.557.725.685	11.577.291.329	218.055.129.399

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

**Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>				
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	20.643.374.387	46.353.946.910	-	66.997.321.297
Chi phí phải trả	2.565.567.042	-	-	2.565.567.042
Các khoản vay và nợ	123.255.941.338	89.611.271.011	19.083.254.001	231.950.466.350

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**IX. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Giao dịch giữa công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

Cho đến ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản phải thu, phải trả với Công ty cổ phần Tập đoàn Mai Linh (Công ty mẹ) và các Công ty trong Tập đoàn Mai Linh liên quan như sau:

Nội dung nghiệp vụ	Cuối năm	Đầu năm VND
Cho vay (xem thêm mục VI.2)	572.961.494	32.710.742.848
Phải thu (xem thêm mục VI.3)	15.094.344.033	12.364.321.097
Phải trả (xem thêm mục VI.16)	(758.347.324)	(2.062.801.674)

(\*) Ghi chú: Giá trị khoản phải thu ghi số dương và giá trị khoản phải trả ghi số âm

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị	190.000.000	120.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	1.313.081.534	1.281.578.115

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã thông qua mức khoán chi phí hội họp của Hội đồng quản trị năm 2012 là 120.000.000 đồng/5người/năm. Nếu công ty có lãi vượt kế hoạch thì ngoài mức khoán chi phí hội họp thường thêm thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban điều hành công ty, tổng cộng mức khoán và mức thù lao không vượt quá 2% lợi nhuận sau thuế; Ban Kiểm soát 70.000.000 đồng/3 người/năm.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

## **X. THÔNG TIN KHÁC**

### **1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

### **2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết năm tài chính**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Ngoại trừ sự kiện sau:

Ngày 24/12/2012, Ông Hồ Huy - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung đã bán số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung với số lượng 888.200 cổ phiếu cho Ông Ngô Văn Kiều. Số lượng cổ phiếu nắm giữ của Ông Hồ Huy sau khi thực hiện giao dịch là 133.000 cổ phiếu. Ngày 26/12/2012, Ông Ngô Văn Kiều trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung chiếm tỷ lệ 11,26%. Công ty vẫn chưa điều chỉnh lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi cơ cấu vốn góp của cổ đông.

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 05/2013/QĐ-HDQT ngày 30/01/2013 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung về việc ủng hộ việc chào mua công khai cổ phiếu MNC của Ông Hồ Huy theo Điều 1, như sau:

- Số lượng dự kiến thực hiện chào mua: 888.000 cổ phiếu chiếm 11% vốn điều lệ;
- Mức giá chào mua: 3.100 đồng / cổ phiếu;
- Mục đích chào mua: Tăng tỷ lệ sở hữu của Ông Hồ Huy tại MNC
- Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh sau khi thực hiện chào mua: Ông Hồ Huy tiếp tục điều hành để phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty, lấy hoạt động kinh doanh vận tải làm cốt lõi, nâng cao chất lượng dịch vụ đồng thời mở rộng quy mô Công ty chiếm lĩnh thị trường vận tải Miền Trung;
- Chính sách đối với người lao động của Công ty: tiếp tục sử dụng các lao động hiện nay đang làm việc tại Công ty theo đúng quy định pháp luật;

Theo Quyết định số 302/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ngày 14/12/2012 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2013 trong đó dự kiến: "Hỗ trợ hoạt động xe buýt năm 2013 là 3.000.000.000 đồng". Khoản kinh phí hỗ trợ này sau khi Sở Giao Thông Vận tải xem xét nội dung mà Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi lập phương án sử dụng kinh phí hỗ trợ cho hoạt động xe buýt trong năm 2013 đề nghị và kiểm tra hồ sơ quyết toán kinh phí phục vụ cho hoạt động xe buýt. Sở Giao thông Vận tải đề nghị Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

### **3. Thông tin hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình. Ngoại trừ sự kiện sau:

Theo biên bản làm việc ngày 7 tháng 12 năm 2012 giữa UBND xã Thuận Đức, UBND thành phố Đồng Hới và Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình, việc chăn nuôi trang trại hiện nay của công ty sẽ ngừng kinh doanh trong quý 2/2013 do chưa đảm bảo được xử lý ô nhiễm môi trường tại trang trại chăn nuôi.

Cũng theo biên bản làm việc giữa Công ty CP Mai Linh Miền Trung và Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình về phương án kinh doanh trong năm 2013, thanh lý đàn lợn trong quý 1/2013, thanh lý ba ba trong quý 2/2013, tìm đối tác chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên trang trại và trạm dừng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

#### 4. Những thông tin khác

(1) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2012/NQ-ĐHCD ngày 24 tháng 4 năm 2012 dựa trên kết quả lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản đã thông qua các vấn đề sau:

- Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011;
- Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2012;
- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2011;
- Thông qua việc mua bán sáp nhập, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh về phía Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bao gồm 09 tỉnh thành: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng;

- Thông qua quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi với:

+ Nhu cầu vốn đầu tư: 80 tỷ đồng;

+ Phương thức phát hành:

- Trái phiếu chuyển đổi linh hoạt - định kỳ hàng năm;
- Mệnh giá 100 triệu đồng / 01 trái phiếu;
- Thời gian 3 - 5 năm;
- Lãi suất 15% năm đầu. Các năm tiếp theo lãi suất 12% năm. Lãi trả theo định kỳ 6 tháng / 1 lần;
- Giá chuyển đổi: Giá bình quân 15 phiên giao dịch liền kề trước ngày chuyển đổi.

+ Thời gian phát hành: dự kiến quý 3, quý 4 năm 2012;

+ Đối tượng phát hành: Ưu tiên cho các tổ chức tài chính, cổ đông hiện hữu;

+ Hạn mức tối thiểu phát hành trái phiếu: 10 tỷ đồng;

+ Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định phương án phát hành.

- Thông qua việc triển khai đa dạng hóa loại hình hợp tác kinh doanh: Đa dạng hóa hình thức huy động vốn đầu tư.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương thức và giá.

- Thông qua mức khoán chi phí Hội họp của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2012;

- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012;

- Thông qua danh sách nhân sự bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012 - 2015 và miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2011 - 2015.

(2) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ số /2012/BB-BTB về việc đầu tư xe cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Bắc Trung Bộ (nay là Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung) và các đơn vị thành viên với tổng số lượng là 100 xe Kia Morning MTL 1.1L do Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải cung cấp, được phân bổ như sau:

- Mai Linh Hội An đầu tư 10 xe Kia Morning với tổng giá trị 3.100.000.000 đồng;
- Mai Linh Huế đầu tư 40 xe Kia Morning với tổng giá trị 12.400.000.000 đồng;
- Mai Linh Quảng Trị đầu tư 10 xe Kia Morning với tổng giá trị 3.100.000.000 đồng;
- Mai Linh Quảng Bình đầu tư 10 xe Kia Morning với tổng giá trị 3.100.000.000 đồng;
- Mai Linh Miền Trung đầu tư 30 xe Kia Morning với tổng giá trị 9.300.000.000 đồng.

*Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*

#### **4. Những thông tin khác (tiếp theo)**

Theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung số /2012/NQ-MLMT về việc thông qua dự án mua xe và quyền kinh doanh taxi tại thị trường Hội An. Hội đồng Quản trị đã đồng ý thống nhất cho Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An mua 19 xe cùng với quyền khai thác kinh doanh 20 xe taxi của Công ty TNHH dịch vụ Du lịch Nguyễn Thanh tại thị trường TP. Hội An, tỉnh Quảng Nam với tổng giá trị là: 9.500.00.000 đồng. Trong kỳ, Công ty đã thực hiện mua 19 xe cùng với quyền kinh doanh 20 xe taxi này bằng Hợp đồng mua bán số 010/2012/NT-ML ngày 22/05/2012 giữa Công ty TNHH Dịch vụ Du lịch Nguyễn Thanh và Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An. Tại ngày 30/6/2012, toàn bộ 19 xe đã được đưa vào sử dụng và được đảm bảo để thế chấp khoản vay tại ngân hàng.

(3) Ngày 21/12/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG) - Tổ chức có liên quan đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (MCK: MNC) đăng ký bán 3.353.333 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu trước khi thực hiện giao dịch là: 3.856.332 cổ phiếu. Mệnh giá: 10.000 đồng/CP.

- Mục đích thực hiện giao dịch để cơ cấu danh mục đầu tư.

- Phương thức giao dịch: khớp lệnh

- Ngày bắt đầu và kết thúc giao dịch: bắt đầu từ ngày 21/12/2012 và kết thúc 18/01/2013. Đến thời điểm hiện nay, giao dịch này vẫn chưa được thực hiện.

## **XI. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Tốc Giám đốc của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Phân chia hoạt động thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh

- Dịch vụ taxi
- Dịch vụ xe cho thuê
- Bán vật tư, phụ tùng
- Vận tải hành khách, vận chuyển du lịch, xe buýt
- Bán các sản phẩm nông nghiệp
- Hoạt động khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

**XI. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh															
	Doanh thu dịch vụ taxi		Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu		Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác		Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch		Doanh thu bán các sản phẩm nông nghiệp		Cộng		Loại trừ		Hợp nhất	
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
<b>Doanh thu</b>																
Khách hàng bên ngoài	307.502	292.623	22.056	17.975	4.230	3.221	34.577	22.989	7.632	10.899	375.998	347.706			375.998	347.706
Giữa các bộ phận	1.387	2.046	12.058	7.337	227	-	-	-	-	-	13.672	9.383	13.672	9.383	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>308.889</b>	<b>294.668</b>	<b>34.114</b>	<b>25.312</b>	<b>4.457</b>	<b>3.221</b>	<b>34.577</b>	<b>22.989</b>	<b>7.632</b>	<b>10.899</b>	<b>389.670</b>	<b>357.089</b>	<b>13.672</b>	<b>9.383</b>	<b>375.998</b>	<b>347.706</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>																
Lợi nhuận gộp của bộ phận	74.066	69.918	4.689	3.710	4.107	2.364	5.845	4.445	(7.668)	1.602	81.038	82.039	-	-	81.038	82.039
Chi phí không phân bổ															(44.197)	(39.523)
Thu nhập tài chính															3.365	6.477
Chi phí tài chính															(40.821)	(41.229)
Thu nhập từ công ty liên kết															-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp															(2.368)	(2.677)
Lợi nhuận sau thuế															2.551	7.374
Lợi ích cổ đông thiểu số															1.267	(457)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh															(615)	7.764
Lợi nhuận khác															5.535	2.286
<b>Lợi nhuận thuần</b>															<b>3.818</b>	<b>6.916</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## Các thông tin khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Hoạt động kinh doanh															
	Doanh thu dịch vụ taxi		Doanh thu cho thuê tài sản, quản lý xe thương quyền, sửa chữa, kinh doanh xăng dầu		Doanh thu bán vật tư, phụ tùng và dịch vụ khác		Doanh thu vận tải hành khách, xe buýt, vận chuyển du lịch		Doanh thu bán các sản phẩm nông nghiệp		Cộng		Loại trừ		Hợp nhất	
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011
Tài sản của bộ phận phân bổ	282.706	298.359	20.278	18.328	3.889	3.284	31.789	23.439	7.017	11.113	345.679	354.522			345.679	354.522
Khoản đầu tư vào công ty liên kết															-	-
Tài sản không phân bổ															75.939	61.241
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>															<b>421.618</b>	<b>415.763</b>
Nợ phải trả của bộ phận phân bổ	85.154	69.262	6.108	4.255	1.171	762	9.575	5.441	2.114	2.580	104.122	82.300			104.122	82.300
Nợ phải trả không phân bổ															218.055	231.950
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>															<b>322.178</b>	<b>314.251</b>
Chi phí mua sắm tài sản	41.009	67.151	2.941	4.125	564	739	4.611	5.275	1.018	2.501	50.144	79.791	-	-	50.144	79.791
Chi phí khấu hao	42.331	34.931	3.036	2.146	582	384	4.760	2.744	1.051	1.301	51.760	41.507	-	-	51.760	41.507

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

**XI. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức của Công ty, những thông tin dưới đây còn trình bày theo khu vực địa lý.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đà Nẵng		Quảng Ngãi		Tam Kỳ		Hội An		Huế		Quảng Trị		Quảng Bình		Loại trừ		Hợp nhất		
	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	2012	2011	
<b>Doanh thu</b>																			
Từ khách hàng bên ngoài	122.017	113.715	77.450	63.777	24.832	23.747	23.835	18.496	58.906	57.553	18.195	16.749	50.764	53.670	-	-	375.998	347.706	
Giữa các bộ phận	6.263	1.747	917	1.022	2.560	1.505	80	41	152	2.376	3.699	1.711	-	981	13.672	9.383	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>128.280</b>	<b>115.461</b>	<b>78.367</b>	<b>64.799</b>	<b>27.392</b>	<b>25.252</b>	<b>23.915</b>	<b>18.537</b>	<b>59.058</b>	<b>59.929</b>	<b>21.895</b>	<b>18.460</b>	<b>50.764</b>	<b>54.651</b>	<b>13.672</b>	<b>9.383</b>	<b>375.998</b>	<b>347.706</b>	
Tài sản của bộ phận	169.240	186.223	72.297	63.631	23.309	23.036	38.449	18.318	50.742	43.613	23.083	23.884	44.498	57.058			421.618	415.763	
Chi phí mua sắm tài sản	11.276	11.403	12.635	24.784	-	7.944	14.801	1.291	9.608	8.597	1.602	14.735	223	11.036			50.144	79.791	
Chi phí khấu hao	12.374	12.151	13.969	9.387	3.845	3.343	4.058	2.216	8.615	6.512	3.433	2.721	5.467	5.176			51.760	41.507	

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

## XII. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ. Tuy nhiên, như được trình bày tại thuyết minh số I.4 (3) Công ty có thay đổi quy mô hoạt động kinh doanh: Từ 30 tháng 01 năm 2012, Công ty không còn trực tiếp kiểm soát tại Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Mai Linh Lao Bảo vì Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ vốn thuộc quyền sở hữu cho Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh, những ảnh hưởng từ kết quả kinh doanh từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/01/2012 được xác định là không đáng kể. Đồng thời, bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty tại 31 tháng 12 năm 2012 không thể hiện các chỉ tiêu liên quan đến hoạt động của công ty con đã chuyển nhượng.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

	Mã số	Phân loại lại VND	Trình bày trên BC tài chính năm 2011 (VND)
<b>1. Trên Bảng cân đối kế toán</b>			
Tài sản cố định vô hình	227	29.433.644.002	31.741.987.998
- Nguyên giá	228	29.433.644.002	31.801.176.309
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	-	(59.188.311)
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.833.815.059	3.525.471.063

TP.Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Đoàn Triệu Chu Luân**

**Võ Thành Nhân**